



MASTER LEDtube InstantFit HF T5

MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5

Philips MASTER LEDtube tích hợp nguồn sáng LED vào dạng đèn huỳnh quang truyền thống. Thiết kế độc đáo của sản phẩm tạo ra hình ảnh vẻ ngoài đồng nhất hoàn hảo, khó có thể phân biệt với đèn huỳnh quang truyền thống. Những đèn tuýp T5 này là sự lựa chọn phù hợp cho hiệu suất tuyệt đối và được thiết kế để thích ứng với các điều kiện hàng ngày. Khả năng tiết kiệm vô song nhờ mức tiêu thụ năng lượng rất thấp và tuổi thọ siêu dài của đèn tuýp LED T5 này chắc chắn sẽ chinh phục được mọi ứng dụng có yêu cầu cao.

Dữ liệu sản phẩm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	G5
Tuổi thọ danh định	60.000 h
Chu kỳ bật/tắt	50.000
Công nghệ chiếu sáng	LED
Tham chiếu đo thông lượng	Sphere
Dấu CE	Có
Tuân thủ tiêu chuẩn RoHS châu Âu	Có
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Mã màu	830 [CCT of 3000K]
Góc chùm sáng (Danh định)	200 °
Quang thông	2.300 lm
Ký hiệu màu sắc	Trắng (WH)
Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)	3000 K
Quang hiệu (định mức) (Danh định)	139,00 lm/W
Độ đồng nhất màu sắc	<6
Chỉ số hoàn màu (CRI)	80

LLMF khi kết thúc tuổi thọ danh định (Danh định)	70 %
Độ an toàn quang sinh học theo EN 62471	RG0
Vận hành và điện	
Tần số dòng	30K to 100K Hz
Tần số đầu vào	30K đến 100K Hz
Mức tiêu thụ điện	16,5 W
Dòng điện bóng đèn (Tối đa)	350 mA
Dòng điện bóng đèn (Tối thiểu)	150 mA
Thời gian khởi động (Danh định)	0,5 s
Thời gian khởi động đạt đến 60% độ sáng	0.5 s
Hệ số công suất (Tỷ lệ)	0.92
Điện áp (Danh định)	70-120 V
Công suất đèn LED thay thế cho đèn huỳnh quang	28 W
Dòng điện khởi động tại nguồn chính	-
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 10A - nguồn chính	-

MASTER LEDtube InstantFit HF T5

Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 10A – chấn lưu – EM không có đầu nhỏ gọn	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 10A – chấn lưu – EM có đầu nhỏ gọn	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 16A – nguồn – chính	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 16A – chấn lưu – EM không có đầu nhỏ gọn	
Số lượng đèn tối đa trên MCB B loại 16A – chấn lưu – EM có đầu nhỏ gọn	
Khả năng tương thích của chấn lưu	HF

Nhiệt độ

Dãy nhiệt độ màu ánh sáng	-20 °C đến 45 °C
Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)	65 °C

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

Có thể điều chỉnh độ sáng	Có – Kiểm tra khả năng tương thích chấn lưu
---------------------------	---

Cơ khí và vỏ đèn

Lớp hoàn thiện bóng đèn	Sương giá
Vật liệu bóng đèn	Thủy tinh
Chiều dài sản phẩm	1.200 mm

Hình dạng bóng đèn	T5
--------------------	----

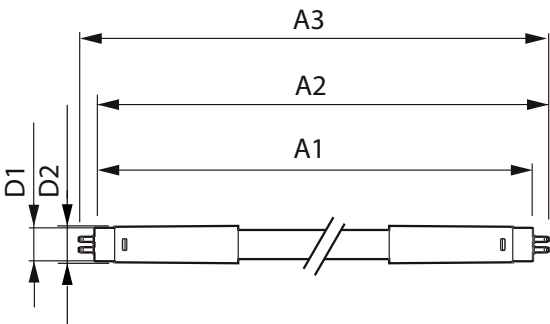
Phê duyệt và ứng dụng

Mức tiết kiệm năng lượng	E
Sản phẩm tiết kiệm năng lượng	Có
Dấu phê duyệt	Tuân thủ RoHS TUV Dấu CE Chứng nhận KEMA Keur
Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	17 kWh
Số đăng ký EPREL	1384134

Dữ liệu sản phẩm

Tên sản phẩm khác	MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5
Tên sản phẩm đầy đủ	MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5
Mã sản phẩm đầy đủ	871869674329400
Mã đơn hàng	929001391002
Số vật liệu (12NC)	929001391002
Phần tử - Số lượng trên một bộ	1
EAN/UPC - Sản phẩm/Hộp	8718696743294
Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài	10
EAN/UPC - Vỏ	8718696743300

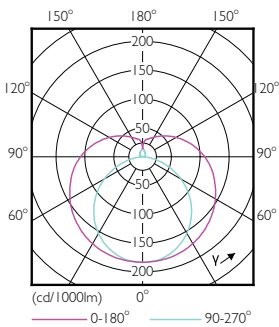
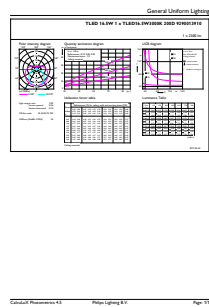
Bản vẽ kích thước



Product	D1	D2	A1	A2	A3
MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5	15,5 mm	18,8 mm	1.149 mm	1.156,1 mm	1.163,2 mm

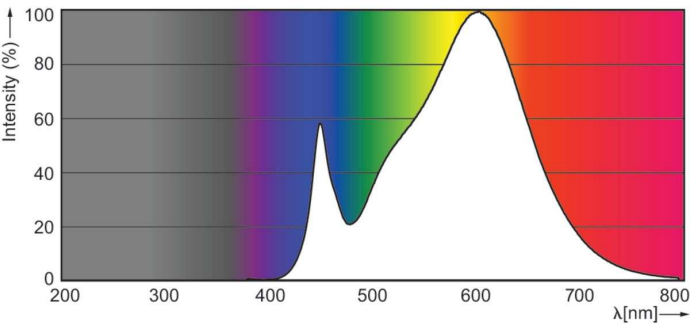
MASTER LEDtube InstantFit HF T5

Dữ liệu phân bố ánh sáng



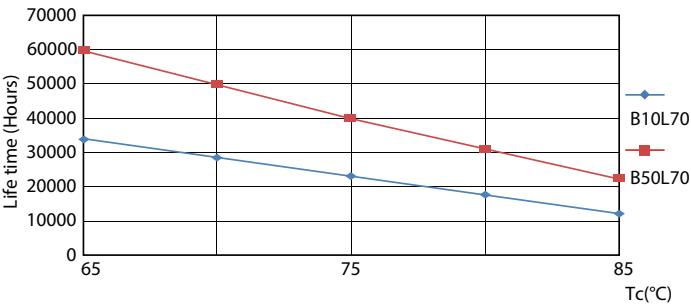
General uniform lighting - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5

Light Distribution Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5

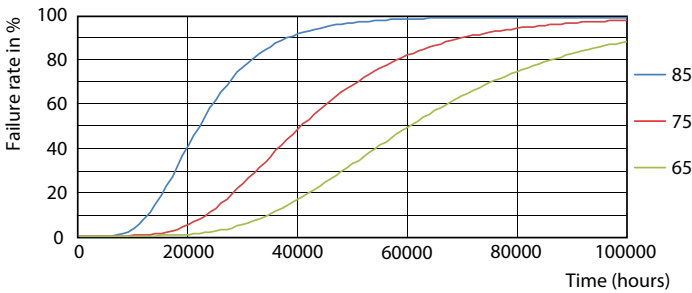


Spectral Power Distribution Colour - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5

Tuổi thọ



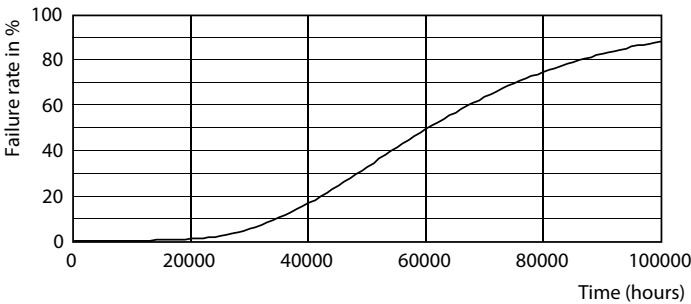
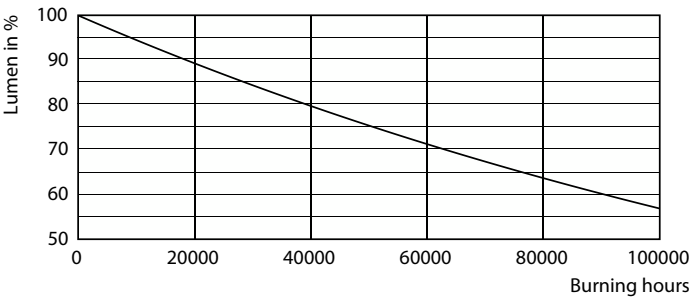
Life Expectancy Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5



Life Expectancy Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5

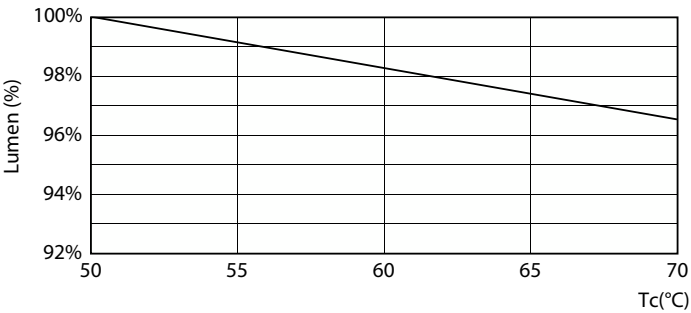
MASTER LEDtube InstantFit HF T5

Tuổi thọ



Lumen Maintenance Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5

Life Expectancy Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5



Lumen Maintenance Diagram - MAS LEDtube HF 1200mm HE 16.5W 830 T5

